

# THÁO GỖ ĐIỂM NGHẼN THỂ CHẾ VỀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM

*Tào Thị Quyên\**

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh toàn cầu đang bước vào kỷ nguyên kinh tế tri thức, chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, là yếu tố then chốt tạo động lực tăng trưởng của các quốc gia. Đối với Việt Nam, việc phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không chỉ là yêu cầu khách quan của tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước mà còn là giải pháp thiết yếu để thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Tuy nhiên, trong thực tiễn phát triển, một trong những rào cản lớn nhất hiện nay là điểm nghẽn thể chế về đầu tư tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, khiến các nguồn lực không được huy động và sử dụng hiệu quả, làm suy giảm động lực đổi mới, tăng trưởng trong cả khu vực công và tư. Bài viết phân tích yêu cầu khách quan và các giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn thể chế đầu tư tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần đổi mới mô hình tăng trưởng, thúc đẩy phát triển đất nước nhanh, bền vững, thịnh vượng.

**Từ khoá:** Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, thể chế về đầu tư tài chính.

**Abstract:** As the world enters an era of the knowledge economy and digital transformation, science, technology, and innovation have become key drivers of national growth. For Viet Nam, developing science, technology, and innovation is not only an objective requirement of industrialisation and modernisation, but also an essential solution for escaping the middle-income trap and enhancing national competitiveness. In practice, however, one of the most significant current barriers is the institutional bottleneck in financial investment for science, technology, and innovation, which prevents resources from being mobilised and used effectively, thereby weakening innovation and growth incentives in both the public and private sectors. This article analyses the objective needs and proposes solutions for removing these institutional bottlenecks, contributing to growth-model renovation and to rapid, sustainable, and prosperous national development.

**Keywords:** Science; technology; innovation; financial-investment institutions.

## 1. Yêu cầu khách quan tháo gỡ điểm nghẽn thể chế về đầu tư tài chính thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam

Thể chế đầu tư tài chính cho khoa học công nghệ (KHCV) và đổi mới sáng tạo (ĐMST) là hệ thống các quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách và công cụ quản lý liên quan đến huy động, phân bổ, quản lý, giám sát nguồn lực tài chính công và tư cho hoạt động KHCV và ĐMST. Thể chế

---

\* PGS.TS., Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

đầu tư tài chính cho KHCN và ĐMST có vai trò hết sức quan trọng trong việc xác định và sử dụng các nguồn lực tài chính theo cơ chế cạnh tranh, khuyến khích xã hội hoá, thu hút đầu tư tư nhân vào lĩnh vực KHCN và ĐMST.

Những năm gần đây, Việt Nam đang bước vào giai đoạn mà lợi thế lao động giá rẻ, tài nguyên, xuất khẩu gia công đang dần cạn kiệt. Nếu không cải thiện năng suất lao động bằng phát triển KHCN và ĐMST, Việt Nam sẽ rơi vào bẫy thu nhập trung bình từ năm 2035<sup>1</sup>. Để tránh nguy cơ tụt hậu, Việt Nam cần đổi mới mô hình tăng trưởng, dựa vào kinh tế tri thức và ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học công nghệ. Trong đó, thể chế đầu tư tài chính đóng vai trò nền tảng và dẫn dắt trong việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho KHCN và ĐMST.

Thời gian qua, Việt Nam đã quan tâm xây dựng khung pháp lý tương đối toàn diện cho việc hình thành, sử dụng, phân bổ và giám sát các nguồn lực tài chính cho KHCN. Tuy nhiên, thể chế về lĩnh vực này còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Cụ thể như sau:

*Thứ nhất*, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho KHCN chưa đủ mạnh. Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) ở Việt Nam hiện chỉ đạt 0,5% GDP, bằng 1/4 so với mục tiêu 2%. Trong khi đó, tại Hàn Quốc, chỉ tiêu cho R&D từ năm 2009 luôn trên 3% GDP và lên 4% GDP từ năm 2016. Năm 1996, chỉ tiêu cho R&D

của Trung Quốc chỉ ở mức dưới 1% GDP nhưng đến năm 2020, con số này đã đạt 2,4% GDP<sup>2</sup>.

*Thứ hai*, các quy định về ưu đãi thuế đối với nhập khẩu thiết bị khoa học và công nghệ giữa Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu chưa thống nhất, gây lúng túng cho cơ quan hải quan và doanh nghiệp khi thực hiện. Mặt khác, việc ưu đãi thuế khó áp dụng do thiếu sự thống nhất trong cách hiểu giữa các cơ quan chuyên trách. Việc phân bổ vốn giữa các công cụ tài chính chưa có sự phối hợp đồng bộ. Ví dụ, vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho nhiệm vụ KHCN qua Bộ Khoa học và Công nghệ và vốn đầu tư công từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trước đây) vẫn hoạt động tách biệt, thiếu phối hợp trong lộ trình khiến tiến độ giải ngân bị chậm và không nhất quán.

*Thứ ba*, thủ tục đấu thầu, thanh quyết toán, nghiệm thu đề tài khoa học quá cồng kềnh, nhiều khâu và rất bất hợp lý.

Theo Tiến sĩ Nguyễn Quân, nguyên Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, việc tài trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các đề tài, dự án khoa học, công nghệ được thực hiện theo quy định như đầu tư cho xây dựng cơ bản, phải theo kế hoạch của năm tài chính. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt toàn bộ nhiệm vụ khoa học, công nghệ hằng năm cả về nội dung, sản phẩm và kinh phí, tổng hợp thành danh mục dự án vào dự toán ngân sách của Chính phủ, trình Quốc hội thông qua và Thủ tướng Chính phủ giao dự

---

<sup>1</sup> Phạm Ngọc Hoà, *Vượt qua bẫy thu nhập trung bình: Nhìn từ bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay*, 23/7/2025, <https://tapchinganhang.gov.vn/vuot-qua-bay-thu-nhap-trung-binh-nhin-tu-boi-can-nen-kinh-te-viet-nam-hien-nay-10527.html> truy cập ngày 23/10/2025.

---

<sup>2</sup> DNSE, *Việt Nam chỉ khoảng 0,5% GDP cho R&D, so với các nước khác thế nào?*, 20/02/2025, <https://www.dnse.com.vn/senses/tin-tuc/viet-nam-chi-khoang-05-gdp-cho-rd-so-voi-cac-nuoc-khac-the-nao-34137530>, truy cập ngày 27/10/2025.

toán vào đầu năm tiếp theo. Cách làm này dẫn tới các nhà khoa học phải chờ đợi nhiều năm kể từ khi đề xuất đề tài cho đến khi nhận được kinh phí<sup>3</sup>. Điều này làm giảm khả năng phản ứng nhanh của hệ thống tài chính trước các yêu cầu cấp bách hoặc đòi hỏi cập nhật công nghệ hiện đại.

Sự phức tạp, rối rắm, bất cập của cơ chế tài chính hiện nay khiến các nhà khoa học thường gặp khó khăn với khâu thanh toán, dẫn đến ngại nghiên cứu, ngại làm đề tài. Nhiều nhà khoa học cho rằng, mất quá nhiều thời gian, khoảng 50% thời gian, công sức dành cho các thủ tục<sup>4</sup>.

*Thứ tư*, chưa có định mức cụ thể đối với các nội dung như: Mua quyền sử dụng tài sản trí tuệ, thuê chuyên gia, hợp tác quốc tế, kinh phí đối ứng... dẫn đến sự e ngại hoặc không dám sử dụng quỹ từ phía doanh nghiệp và tổ chức KHCN.

*Thứ năm*, cơ chế khoán chi theo Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC đã được ban hành nhằm giảm gánh nặng thủ tục, song việc triển khai thực tế vẫn gặp nhiều rào cản. Cụ thể: Cơ chế khoán chi toàn phần chủ yếu áp dụng tại Quỹ Nafosted, còn đa số nhiệm vụ khoa học và công nghệ vẫn thực hiện theo phương thức khoán từng phần. Dù được khoán, song các nhà khoa học vẫn phải thực hiện nhiều thủ tục như hợp đồng mua sắm, chứng từ thực chi, đấu thầu... tương tự cơ chế cấp phát truyền thống.

<sup>3</sup> Thu Hằng, *Giải tỏa “vòng kim cô” cho nhà khoa học*, 08/04/2025, <https://hanoimoi.vn/co-che-khoan-chi-den-san-pham-cuoi-cung-giai-toa-vong-kim-co-cho-nha-khoa-hoc-698213.html> truy cập ngày 02/12/2025.

<sup>4</sup> Song Hà, *Gỡ bỏ thủ tục trong nghiên cứu khoa học*, 18/3/2025, <https://daibieunhandan.vn/go-bo-thu-tuc-trong-nghien-cuu-khoa-hoc-10362158.html>, ngày 20/10/2025.

*Thứ sáu*, cơ chế hướng dẫn sử dụng quỹ tài chính KHCN còn thiếu thống nhất và minh bạch. Các văn bản pháp luật hiện hành chưa quy định rõ và thống nhất về nội dung, điều kiện, quy trình sử dụng các loại quỹ, điển hình là Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp và Quỹ phát triển KHCN quốc gia. Chẳng hạn, Thông tư số 05/2022/TT-BKH-CN ngày 31/5/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn sử dụng Quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp đã sửa đổi nhiều nội dung chi của Quỹ KHCN doanh nghiệp. Tuy nhiên, các quy định tại Nghị định số 95/2014/NĐ-CP vốn là “văn bản gốc” vẫn chưa được sửa đổi, dẫn đến tình trạng một số nội dung được phép chi từ nguồn ngân sách nhà nước nhưng lại không được phép chi từ quỹ, dù về bản chất nguồn vốn là tương đương. Ngoài ra, chưa có cơ chế rõ ràng về kiểm tra, thanh tra, quyết toán chi đối với quỹ, gây rủi ro pháp lý cho doanh nghiệp khi sử dụng quỹ trong trường hợp nhiệm vụ KHCN không thành công do yếu tố khách quan.

*Thứ bảy*, chưa bảo đảm sự tương thích với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, định giá kết quả nghiên cứu và phân chia lợi nhuận chưa tương thích với thông lệ quốc tế, nơi mà viện/trường có toàn quyền thương mại hóa sản phẩm nghiên cứu và không phải chia lợi nhuận cho Nhà nước. Cho đến nay, Việt Nam đã ký kết và tham gia nhiều chương trình hợp tác KHCN quốc tế như Horizon 2020, Mekong-US Partnership..., tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, việc bố trí kinh phí đối ứng từ phía Việt Nam cho các chương trình hợp tác quốc tế còn vướng mắc do thiếu hướng dẫn cụ thể về quy trình lập dự toán, thẩm

định, phê duyệt nhiệm vụ hợp tác; không có định mức rõ ràng cho các khoản chi thuê chuyên gia quốc tế, bản quyền công nghệ, phí đăng ký sở hữu trí tuệ... Điều này khiến nhiều tổ chức KHCN Việt Nam “bị động” trong hợp tác, không thể đáp ứng kịp thời với yêu cầu tài chính của đối tác quốc tế, làm giảm hiệu quả hội nhập toàn cầu.

Để KHCN và ĐMST phát triển vững chắc, góp phần đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, Nghị quyết số 57-NQ/TW xác định rõ yêu cầu: “Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo...; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ”<sup>5</sup>.

Như vậy, việc tháo gỡ điểm nghẽn thể chế đầu tư tài chính cho KHCN và ĐMST là yêu cầu cấp thiết, mang tính chiến lược trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

## **2. Giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn thể chế về đầu tư tài chính thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

---

<sup>5</sup> Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

### ***Một là: Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật về đầu tư tài chính cho KHCN và ĐMST nói riêng***

Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật với phương châm “làm luật không phải chỉ để quản lý, để bảo đảm an toàn xã hội một cách thuần túy và cứng nhắc theo kiểu tư duy cũ mà phải hướng đến việc tạo dựng một môi trường, một hành lang pháp lý an toàn, thuận lợi cho sự phát triển của xã hội”<sup>6</sup>. Chuyển từ tư duy xây dựng pháp luật để “phản ứng và kiểm soát” sang “dẫn dắt, kiến tạo” là điều kiện tiên quyết cho hoàn thiện thể chế phát triển của quốc gia. Việc giữ nguyên mô hình và phương thức tư duy xây dựng pháp luật cũ sẽ dẫn đến sự “lạc điệu”, “lỗi nhịp” với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bỏ lỡ các cơ hội của KHCN, gây lãng phí nguồn lực. Tư duy “dẫn dắt, kiến tạo thay vì phản ứng và kiểm soát” trong xây dựng pháp luật là một định hướng tư duy hiện đại, phù hợp với yêu cầu quản trị quốc gia trong kỷ nguyên mới. Đặc biệt, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với đặc trưng là mức độ tác động sâu rộng và tốc độ nhanh chóng, cuộc cách mạng này đặt ra thách thức không chỉ về nội dung pháp luật mà cả quy trình xây dựng pháp luật<sup>7</sup>. Trong lĩnh vực KHCN và ĐMST, tư duy dẫn dắt, kiến tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì đây là lĩnh vực luôn chuyển động nhanh hơn so với quy trình lập pháp truyền thống. Để tạo “cú hích” cho những ý tưởng, mô hình, công nghệ mới trước khi chúng trở

---

<sup>6</sup> Đinh Dũng Sỹ, *Đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật*, 13/8/2019, <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210235>, truy cập 24/7/2025.

<sup>7</sup> Trần Thị Quang Hồng, *Tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến quy trình lập pháp ở Việt Nam nhìn từ kinh nghiệm quốc tế*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 1/2020.

thành hiện thực phổ biến, đòi hỏi thể chế, pháp luật không chỉ phản ánh hiện trạng các quan hệ xã hội, mà phải đi trước, dự báo và dẫn đường cho sự phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo. Nếu thiếu tư duy dẫn dắt, kiến tạo, pháp luật sẽ bị “bỏ lại phía sau”, tạo rào cản, gây lúng túng hoặc “bóp nghẹt” đổi mới, “bóp nghẹt” sự sáng tạo.

Với mục tiêu kiến tạo, khơi thông nguồn lực tài chính cho KHCN và ĐMST, đòi hỏi nhà lập pháp phải có tư duy thiết kế luật pháp mang tính hệ thống, kết nối liên ngành, không cục bộ, hành chính hóa. Nếu như trước đây, tư duy “cục bộ”, “phản ứng-kiểm soát”, nhà làm luật chú trọng yêu cầu quản lý rủi ro, đảm bảo trật tự, đưa ra nhiều quy định cấm đoán, quy định cho phép, thuận lợi cho công việc của bộ, ngành mình, thì nay, tư duy mở, kết nối, liên thông, dẫn dắt, kiến tạo sẽ tạo ra hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, kích thích phát triển, khuyến khích sáng tạo với cách tiếp cận linh hoạt, có tính đến các ngoại lệ, cho phép cơ chế thử nghiệm sandbox trước khi hoàn thiện khung pháp lý. Trong xây dựng, hoàn thiện thể chế về đầu tư tài chính cho KHCN và ĐMST, phải tạo cơ chế thuận lợi rõ ràng, linh hoạt để huy động nguồn lực, gắn kết nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ thương mại hóa sản phẩm, kết nối nghiên cứu với sản xuất, gắn nghiên cứu với phát triển thị trường; tích hợp đồng bộ pháp luật về đầu tư tài chính cho KHCN với pháp luật về ngân sách, đấu thầu, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ...

Để Việt Nam bắt kịp cuộc cách mạng công nghệ toàn cầu, cần mạnh dạn từ bỏ tư duy kiểm soát cũ kỹ, thay vào đó là xây

dựng pháp luật mang tính mở đường, kích hoạt sáng tạo và chấp nhận rủi ro. Với phương châm đó, đòi hỏi “Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo”<sup>8</sup>. Nhà nước sẽ không làm thay thị trường mà tập trung đầu tư hạ tầng, chia sẻ rủi ro, tạo dựng khung pháp lý năng động, linh hoạt, đa tầng, có khả năng tương tác với hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia và khu vực.

### ***Hai là: Xây dựng khung chính sách về đầu tư tài chính cho KHCN và ĐMST***

Phải bảo đảm kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) đạt 2% GDP; bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng dần theo yêu cầu phát triển.

Thời gian qua, mức đầu tư cho khoa học và công nghệ của Việt Nam thấp hơn nhiều so với mức bình quân của thế giới. Theo số liệu của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), mức chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D) trung bình toàn cầu là 1,93% GDP; các nước Đông Nam Á là 1,07%, trong khi Hàn Quốc đầu tư 4,92%, Nhật Bản 3,2%, Trung Quốc 2,4% và Hoa Kỳ 3,54%. Ngay cả các nước có GDP tương đương Việt Nam như Singapore, Thái Lan, Malaysia cũng đầu tư cao gấp 5,1 lần; 3,7 lần và 2,3 lần nước ta<sup>9</sup>.

<sup>8</sup> Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

<sup>9</sup> Thu Hằng, Đầu tư cho khoa học, công nghệ: Cần cách tiếp cận toàn diện, 10/6/2025, <https://hanoimoi.vn/da-tu-cho-khoa-hoc-cong-nghe-can-cach-tiep-ca-n-toan-dien-705067.html>, truy cập ngày 20/10/2025.

Để rút ngắn khoảng cách về KHCN với các nước phát triển, phục vụ hiệu quả việc đổi mới mô hình tăng trưởng, cần quy định rõ về mức đầu tư, nguồn đầu tư, định hướng và phương thức phân bổ, kiểm soát tài chính cho KHCN và ĐMST. Kế hoạch phân bổ ngân sách cho KHCN và ĐMST cần dựa trên các chiến lược ưu tiên như: nâng cao năng lực nghiên cứu cơ bản, đầu tư có trọng tâm vào các lĩnh vực mũi nhọn, phát triển cơ sở hạ tầng R&D hiện đại... Chuyển đổi cách phân bổ ngân sách theo hướng “giao quyền - kiểm soát kết quả” thay vì “giao tiền - kiểm soát quy trình” như cách làm truyền thống. Mô hình này sẽ giúp tổ chức KHCN linh hoạt hơn trong sử dụng kinh phí, đồng thời tăng cường trách nhiệm trong việc tạo ra sản phẩm ứng dụng thiết thực.

Nghiên cứu thành lập quỹ dự phòng ổn định tài chính KHCN. Quỹ này có thể được tích lũy từ phần vốn không sử dụng hết hàng năm hoặc trích lập từ tăng trưởng ngân sách. Tăng cường tích hợp đầu tư KHCN vào các chương trình quốc gia có tính chiến lược. Đưa chi cho KHCN thành một cấu phần bắt buộc trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phục hồi kinh tế, chuyển đổi số, phát triển bền vững...; thiết kế cơ chế đánh giá rủi ro tài chính và kiểm soát linh hoạt dòng vốn KHCN. Xây dựng mô hình dự báo rủi ro tài chính trong triển khai nhiệm vụ, dự án KHCN, từ đó điều chỉnh cơ cấu đầu tư giữa các lĩnh vực công - tư, cơ bản - ứng dụng một cách chủ động, tránh lãng phí hoặc đầu tư không hiệu quả.

***Ba là: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính gắn với khoán chi đến sản phẩm cuối cùng cho các hoạt động KHCN***

Cần tham khảo vận dụng thể chế tài chính cho KHCN tại Hàn Quốc theo phương thức khoán chi theo kết quả (performance-based funding). Các nhiệm vụ R&D công lập được cấp ngân sách theo sản phẩm cụ thể, với quyền tự chủ cao cho đơn vị nghiên cứu trong sử dụng kinh phí, mua sắm thiết bị, thuê chuyên gia. Việc đánh giá được thực hiện độc lập, định kỳ, gắn với mục tiêu đầu ra nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng ngân sách KHCN. Hệ thống tài chính này cho phép điều phối nguồn lực tài chính một cách linh hoạt, dựa trên các tiêu chí đầu ra cụ thể và có thể đo lường được. Chính phủ Hàn Quốc không chỉ quan tâm đến mức độ đầu tư mà đặc biệt nhấn mạnh đến hiệu quả thực tế của hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, thông qua hệ thống đánh giá hiệu suất đầu ra (performance-based management) gắn với cấp phát tài chính công. Cơ chế này được vận hành dựa trên nguyên tắc “hợp đồng nghiên cứu” (research contract system), trong đó các viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp nhận tài trợ công phải cam kết thực hiện các mục tiêu KHCN rõ ràng, bao gồm số lượng công bố, bằng sáng chế, sản phẩm thương mại hóa hoặc hợp tác quốc tế. Việc giải ngân và tái cấp vốn được thực hiện trên cơ sở đánh giá định kỳ kết quả đầu ra theo chuẩn mực quốc gia<sup>10</sup>.

Để áp dụng cơ chế nêu trên, cần sớm sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP về tự chủ tài chính và các thông tư có liên quan, tập trung vào các biện pháp mở rộng phạm vi và mức độ tự

---

<sup>10</sup> KISTEP, „ National R&D Performance and Institutional Reform, Korea Institute of S&T Evaluation and Planning, Seoul: KISTEP Press, 2022, p.98.

chủ. Cho phép các tổ chức KHCN xây dựng cơ chế tài chính riêng, trong đó ưu đãi thuế đối với nhà đầu tư góp vốn vào tổ chức KHCN, quỹ đầu tư mạo hiểm trong nghiên cứu khoa học. Quy định cho phép tổ chức KHCN được quyền quyết định toàn diện về việc sử dụng, phân bổ và quản lý các nguồn lực tài chính (kể cả từ ngân sách nhà nước và ngoài ngân sách nhà nước). Cho phép tổ chức KHCN được quyền phân phối thu nhập, quyết định tỷ lệ phân chia lợi nhuận cho tập thể, nhóm nghiên cứu, nhà khoa học, đầu tư lại cho nghiên cứu.

Bên cạnh đó, cần cho phép tổ chức KHCN được quyền huy động vốn, được quyền vay, kêu gọi đầu tư, hợp tác công - tư, nhận tài trợ, góp vốn bằng tài sản trí tuệ để thành lập công ty KHCN. Cho phép tổ chức KHCN giữ lại 100% nguồn thu từ dịch vụ KHCN, hợp đồng doanh nghiệp, chuyển giao công nghệ; tổ chức KHCN có thể cho thuê, liên doanh, hợp tác sử dụng phòng thí nghiệm, máy móc; Góp vốn bằng tài sản công/tài sản trí tuệ vào doanh nghiệp KHCN. Cho phép tổ chức KHCN được tự chủ xây dựng kế hoạch tài chính 3-5 năm thay vì dự toán hàng năm mang tính hành chính; Cho phép tổ chức KHCN linh hoạt sử dụng nguồn chi nghiên cứu, gỡ bỏ rào cản trong việc thuê chuyên gia nước ngoài, thuê chuyên gia tư nhân với mức chi phù hợp thị trường; quy định rõ chế độ trách nhiệm của tổ chức KHCN gắn với quyền tự chủ, theo đó, cơ chế “tự chủ đi đôi với tự chịu trách nhiệm” cần được thể chế rõ. Nếu tổ chức KHCN vi phạm nguyên tắc sử dụng tài chính sẽ bị xử lý hành chính hoặc pháp lý. Nếu hoạt động hiệu quả sẽ được đánh giá cao, tái đầu tư, nhân rộng mô hình...

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, trong đó lưu ý các nội dung sau: Xây dựng hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật cho các sản phẩm KHCN; phân loại nhiệm vụ để khoán chi linh hoạt (nhóm có khả năng khoán trọn gói đến sản phẩm cuối cùng; nhóm có khả năng khoán trọn gói đến sản phẩm cuối cùng). Xây dựng cơ chế “thoát trách nhiệm” hợp lý; sửa đổi, bổ sung các quy định pháp lý liên quan theo hướng thừa nhận cơ chế khoán chi là cơ chế phổ biến, không còn thí điểm; nâng cao năng lực đánh giá sản phẩm cuối cùng của các hoạt động KHCN và ĐMST.

Điều chỉnh cơ chế xử lý vốn không sử dụng, cho phép tích lũy đầu tư dài hạn, chuyển nguồn vốn chưa sử dụng sang năm sau, đặc biệt với nhiệm vụ kéo dài hoặc nhiệm vụ có kết quả được đánh giá tốt. Tạo cơ chế tích lũy đầu tư dài hạn từ các quỹ KHCN cấp địa phương, các khoản hoàn trả từ kết quả thương mại hóa, để tái đầu tư cho các dự án quy mô lớn hơn, có tính lan tỏa.

**Bốn là: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế đầu thầu nhiệm vụ KHCN; áp dụng chỉ định thầu đối với một số loại nhiệm vụ KHCN chiến lược, trọng điểm của quốc gia và mô hình “đặt hàng nghiên cứu” theo hướng thị trường**

Cần tăng cường các quy định ưu tiên cho các dự án nghiên cứu và phát triển (R&D); thiết lập hệ thống tiêu chuẩn và đánh giá phù hợp; tăng cường vai trò của các doanh nghiệp, viện nghiên cứu, tổ chức khoa học công nghệ trong chỉ định thầu; xây dựng các cơ chế phối hợp linh hoạt và tài chính phù hợp; tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát minh bạch và kiểm soát chất lượng trong quá

trình chỉ định thầu; thúc đẩy hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ; xây dựng chính sách dài hạn và phù hợp với chiến lược phát triển quốc gia.

Quy định mở rộng các cơ chế và gia tăng tính cạnh tranh trong tiếp cận ngân sách. Chuyển đổi một phần ngân sách nghiên cứu sang cơ chế đấu thầu hoặc xét chọn cạnh tranh. Các tổ chức KHCN (công lập hoặc ngoài công lập) có thể tham gia đề xuất nhiệm vụ, phương án nghiên cứu.

Tham khảo kinh nghiệm của một số nước về cơ chế “đặt hàng nghiên cứu” gắn với thị trường. Chẳng hạn, ở Mỹ, chương trình SBIR (Small Business Innovation Research) đã triển khai rất hiệu quả. SBIR là chương trình khuyến khích các nhà khoa học kỹ thuật tự mở công ty khởi nghiệp (startup), Chính phủ sẽ cấp một khoản kinh phí để họ phát triển sản phẩm có thể thương mại hóa được, các doanh nghiệp được cấp tài chính theo giai đoạn (nghiên cứu khả thi – thử nghiệm – thương mại hóa)<sup>11</sup>. Theo báo cáo năm 2022, hơn 25% sáng chế thương mại hóa trong lĩnh vực quốc phòng và y sinh ở Mỹ có nguồn gốc từ các đề tài SBIR.

Thời gian tới, Việt Nam cần có Nghị định riêng quy định rõ về cơ chế đặt hàng, lựa chọn tổ chức chủ trì, nghiệm thu và sử dụng kết quả nghiên cứu, phân định rõ trách nhiệm giữa cơ quan đặt hàng, cơ quan chủ trì và tổ chức thực hiện. Thiết lập cơ chế đặt hàng dựa trên nhu cầu thực tế, theo đó,

doanh nghiệp, ngành, địa phương là chủ thể đề xuất đặt hàng, Nhà nước hỗ trợ tài chính một phần hoặc toàn phần với nhiệm vụ có tính công ích. Tăng cường kết nối cung – cầu công nghệ thông qua sàn giao dịch công nghệ quốc gia, trung tâm đổi mới sáng tạo. Ví dụ: Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NIC) đã xây dựng cơ chế “thử thách đổi mới sáng tạo” (innovation challenge) thu hút doanh nghiệp đặt hàng và tài trợ cho startup giải bài toán thực tiễn. Tăng cường đặt hàng qua cơ chế chỉ định thầu, đấu thầu KHCN. Tăng tính cạnh tranh và đánh giá độc lập đối với các nhiệm vụ đặt hàng; tổ chức đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ với sự tham gia của hội đồng chuyên gia độc lập, tổ chức kiểm định công nghệ và đại diện doanh nghiệp, bảo đảm trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đưa kết quả nghiên cứu vào ứng dụng.

**Năm là: Ban hành Nghị định về thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ đầu tư mạo hiểm**

Việt Nam muốn thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp thì việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quỹ đầu tư mạo hiểm (Venture Capital - VC) là rất cần thiết. Nghị định về quỹ đầu tư mạo hiểm sẽ thể chế hóa mô hình tài chính đặc thù của VC, bảo đảm tính pháp lý và định danh rõ ràng cho các quỹ VC trong hệ thống pháp luật tài chính Việt Nam; tạo cơ chế cho VC có thể góp vốn dưới nhiều hình thức, chấp nhận rủi ro, có quyền lựa chọn mô hình hợp danh hữu hạn (limited partnership), mô hình quỹ tín thác, hoặc công ty đầu tư phi chứng khoán. Từ đó, khuyến khích hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm trong nước. Đồng thời, tạo động lực để ngân sách nhà nước góp vốn môi (matching fund) cho các quỹ VC tiềm năng

---

<sup>11</sup> Nguyễn Trung Dân, *Nước Mỹ vận hành chương trình tài trợ khoa học cho doanh nghiệp nhờ ra sao?*, 13/3/2025, <https://cuoituan.tuoitre.vn/nuoc-my-van-hanh-chuong-trinh-tai-tro-khoa-hoc-cho-doanh-nghiep-p-nho-ra-sao-20250307094949898.htm#:~:text=Nước%20Mỹ%20vận%20hành%20chương,ra%20sao?%20%2D%20Tuổi%20Trẻ%20Online>, truy cập ngày 25/7/2025.

nhằm thu hút vốn xã hội và tăng cường minh bạch, giảm rủi ro cho nhà đầu tư.

Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư mạo hiểm. Theo đó, có thể quy định: “Quỹ đầu tư mạo hiểm là tổ chức tài chính huy động vốn từ các nhà đầu tư nhằm đầu tư vào các doanh nghiệp khởi nghiệp có tính đổi mới sáng tạo, có khả năng tăng trưởng cao nhưng tiềm ẩn rủi ro lớn”.

Về hình thức pháp lý: Công nhận mô hình quỹ VC là pháp nhân độc lập hoặc quỹ tín thác đầu tư, tương tự các nước OECD. Cho phép mô hình “hợp danh hữu hạn” (LP-GP) với một bên là nhà đầu tư góp vốn (limited partners - LP) và một bên quản lý quỹ (general partner - GP) có quyền điều hành đầu tư. Cho phép thành lập quỹ đầu tư mạo hiểm hỗn hợp công - tư (public-private VC).

Về cơ chế gọi vốn, cho phép quỹ đầu tư mạo hiểm huy động vốn từ: Doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước; ngân sách nhà nước trong một số chương trình cụ thể (đầu tư matching); Các quỹ phát triển KHCN của doanh nghiệp, quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

Về hoạt động đầu tư, cho phép VC đầu tư vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp công nghệ cao, dự án ươm tạo tại các trung tâm đổi mới sáng tạo.

Về định giá, áp dụng cơ chế linh hoạt định giá, không bị ràng buộc bởi quy định hiện hành về thẩm định giá tài sản.

Về cơ chế góp vốn - thoái vốn, cho phép các cơ chế góp vốn linh hoạt (tiền mặt, tài sản, cổ phần); có quy định rõ ràng về mua bán cổ phần chưa niêm yết, đầu tư vòng Series A, B, C...; Cho phép quỹ đầu tư có thể thoái vốn qua IPO, M&A, bán cổ

phần cho nhà đầu tư khác với ưu đãi thuế hợp lý.

Về ưu đãi thuế và chính sách khuyến khích: Miễn hoặc giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ hoạt động đầu tư mạo hiểm trong một thời gian nhất định; miễn thuế chuyển nhượng cổ phần nếu đáp ứng điều kiện hỗ trợ startup; được khấu trừ đầu tư vào quỹ như chi phí hợp lý cho doanh nghiệp, nhà đầu tư chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp (tránh rủi ro pháp lý cá nhân). Chính phủ có thể góp vốn cùng các quỹ tư nhân trong một số quỹ hỗn hợp (public-private fund).

Về quản lý và giám sát: Có cơ chế giám sát linh hoạt, không áp đặt quá chặt chẽ như đối với các quỹ đầu tư đại chúng; yêu cầu minh bạch thông tin định kỳ để phòng ngừa gian lận, chống rửa tiền, nhưng tránh gây gánh nặng hành chính.

#### ***Sáu là: Hoàn thiện thể chế về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong KHCN***

Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) là một giải pháp thể chế quan trọng, giúp rút ngắn khoảng cách giữa đổi mới sáng tạo và chính sách pháp luật, đồng thời hỗ trợ thương mại hóa nhanh các sản phẩm KHCN và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo toàn diện và hiệu quả.

Chính phủ cần sớm ban hành Nghị định hoặc Đề án về sandbox KHCN, trong đó lưu ý các vấn đề sau:

Về nguyên tắc xây dựng cơ chế sandbox: Cần giới hạn phạm vi thử nghiệm rõ ràng: Về không gian, thời gian, đối tượng và quy mô; bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm, theo đó, các chủ thể tham gia sandbox phải cam kết thực hiện theo đúng các quy định được phê duyệt. Đồng thời, đề cao yêu cầu bảo vệ lợi ích cộng đồng, bảo

đảm quyền lợi người tiêu dùng, an toàn dữ liệu, không ảnh hưởng tiêu cực đến xã hội; thúc đẩy hình thành chính sách “đi sau một bước” nhưng vẫn đáp ứng yêu cầu bắt kịp nhịp đổi mới.

Về đối tượng, nên ưu tiên sandbox trong các lĩnh vực: Trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý công, giáo dục, y tế; Blockchain trong lưu trữ dữ liệu khoa học, truy xuất nguồn gốc; công nghệ sinh học, vật liệu mới, robot tự hành, Internet vạn vật (IoT); các sản phẩm KHCN có khả năng thương mại hóa nhưng chưa có luật điều chỉnh cụ thể.

Quy định rõ ràng các nội dung về điều kiện, quy trình đăng ký sandbox; thời gian thử nghiệm, quyền và nghĩa vụ các bên; cơ chế giám sát, đánh giá, xử lý rủi ro; trách nhiệm pháp lý khi thử nghiệm thất bại.

Thiết lập quy trình sandbox minh bạch, linh hoạt gồm 5 bước: Đăng ký và thẩm định đề xuất sandbox; cấp phép thử nghiệm có điều kiện; giám sát quá trình thực hiện; đánh giá, tổng kết thử nghiệm; xem xét chuyển đổi thành khuôn khổ pháp lý chính thức (nếu thành công).

Xây dựng cơ chế tài chính và miễn trừ trách nhiệm: Cho phép sử dụng Quỹ phát triển KHCN cấp bộ/ngành/doanh nghiệp để hỗ trợ sandbox. Miễn trừ trách nhiệm hành chính - tài chính cho nhà đổi mới nếu thử nghiệm thất bại mà không vi phạm quy trình đã được cấp phép.

Quy định bảo hộ tạm thời quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong giai đoạn thử nghiệm. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân khi thử nghiệm các công nghệ có liên quan.

Có thể thành lập cơ quan điều phối sandbox KHCN bảo đảm tính chuyên

ngiệp và xuyên suốt. Cơ quan điều phối này dưới dạng mô hình Trung tâm điều phối sandbox quốc gia về KHCN, đặt tại Bộ KHCN hoặc trực thuộc Chính phủ. Cơ quan điều phối sandbox KHCN có nhiệm vụ: Phê duyệt, giám sát thử nghiệm; kết nối nhà sáng tạo - nhà quản lý - nhà đầu tư; tổng hợp dữ liệu từ các sandbox để đề xuất chính sách.

Ngoài ra, cần đẩy mạnh áp dụng công nghệ số trong quản lý tài chính KH&CN để tích hợp các hệ thống thông tin. Xây dựng hệ thống quản lý tích hợp giữa ngân sách, đầu tư công và nhiệm vụ KH&CN; số hóa quy trình lập dự toán, phê duyệt, giải ngân và quyết toán kinh phí; áp dụng cơ sở dữ liệu quốc gia dùng chung giữa Bộ KHCN, Bộ Tài chính; tăng cường minh bạch hóa thông tin công khai về đầu tư tài chính cho KHCN qua các nền tảng số.

### **Kết luận**

Muốn phát triển nhanh và bền vững trong kỷ nguyên số, Việt Nam phải dựa vào các nguồn lực trí tuệ, sáng tạo, công nghệ và dữ liệu. Thể chế đầu tư tài chính cho KHCN và ĐMST cần đi đầu, mở đường, không chỉ tạo hành lang pháp lý mà còn là động lực kích thích các nguồn lực này phát triển mạnh mẽ, hiệu quả và đúng hướng. Đây là một cuộc “chuyển đổi thể chế” toàn diện, cần tầm nhìn chiến lược, hành động quyết liệt và đổi mới tư duy quản trị. Hoàn thiện thể chế phát triển KHCN và ĐMST theo các giải pháp nêu trên, tháo gỡ hoàn toàn các điểm nghẽn, rào cản, rườm rà trong quá trình triển khai hoạt động nghiên cứu KHCN và ĐMST là nhiệm vụ cần tiến hành khẩn trương, đồng bộ, quyết liệt, góp phần ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước bứt phá mạnh mẽ, hùng cường trong kỷ nguyên mới.